TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **16**/2019/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 11 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Chị **Trương Thị Thu T**, sinh năm 1994;
- Anh **Lê Văn B**, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Thôn 700, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Thu T và anh Lê Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao cháu Lê Khánh C, sinh ngày 24/4/2012 và cháu Lê Minh V, sinh ngày 27/5/2014 cho anh Lê Văn B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Trương Thị Thu T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lê Văn B là 1.000.000 đồng/tháng/2 cháu (Tức 500.000 đồng/tháng/cháu). Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 02/2019 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo hàng tháng (một tháng một lần). Chị Trương Thị Thu T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản

trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Khoản tiền cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và anh Lý Văn Bình có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trương Thị Thu Trà chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất do các bên thỏa thuận, nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Trường hợp không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung*: Chị Trương Thị Thu T và anh Lê Văn B cùng xác định không có có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Chị Trương Thị Thu T và anh Lê Văn B cùng xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*:

+ Chị Trương Thị Thu T phải chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^{o} 0002006 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trương Thị Thu T đã nộp đủ số tiền.

+ Anh Lê Văn B không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Hùng Đức (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND huyện Hàm Yên.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng